

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023

#### VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi NSNN năm 2023 áp dụng thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ các Quyết định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao số 32/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023; Quyết định số 40/QĐ-VKSTC ngày 12/4/2023 về việc giao dự toán chi NSNN năm 2023 (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSTC ngày 03/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán NSNN năm 2023 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai số liệu giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng VKSND tỉnh Tây Ninh, Viện trưởng VKSND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VKSND tối cao (để b/cáo);
- Đ/c VT-VKS tỉnh (để b/cáo);
- VKSND các huyện, thị xã, thành phố (để t/hiện);
- Lưu: VP,KT.

KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phan Văn Ne

VIỆN KSND TỐI CAO  
**VIỆN KSND TỈNH TÂY NINH**

**CÔNG KHAI PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số 249 /QĐ-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tây Ninh)

DVT: Đồng

S T T	Đơn vị	Quản lý hành chính (340-341)			Đào tạo bồi dưỡng CB (070-085)	Tổng cộng
		Tổng	Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
1	2	3=4+5	4	5	6	7=3+6
01	VKSND huyện Bến Cầu	12.000.000		12.000.000		12.000.000
02	VKSND huyện Châu Thành	15.000.000		15.000.000		15.000.000
03	VKSND huyện D.M.Châu	14.000.000		14.000.000		14.000.000
04	VKSND huyện Gò Dầu	18.000.000		18.000.000		18.000.000
05	VKSND thị xã Hòa Thành	16.000.000		16.000.000		16.000.000
06	VKSND huyện Tân Biên	16.000.000		16.000.000		16.000.000
07	VKSND huyện Tân Châu	16.000.000		16.000.000		16.000.000
08	VKSND thị xã Trảng Bàng	18.000.000		18.000.000		18.000.000
09	VKSND thành phố Tây Ninh	20.000.000		20.000.000		20.000.000
10	Văn phòng VKSND Tỉnh	2.720.488.300		2.720.488.300		2.720.488.300
<b>Tổng cộng:</b>		<b>2.865.488.300</b>	<b>0</b>	<b>2.865.488.300</b>	<b>0</b>	<b>2.865.488.300</b>

Tây Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2023

**KT. VIỆN TRƯỞNG**

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Phan Văn Ne



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO  
**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**TỔNG HỢP CÔNG KHAI PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023**

(Kèm theo QĐ số 249/QĐ-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Đồng

SST	NỘI DUNG	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
1	2	3	4
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp NSNN, phí, lệ phí</b>		
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		
1	Lệ phí		
2	Phí		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>		
1	Lệ phí		
2	Phí		
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>2.865.488.300</b>	<b>2.865.488.300</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn Ngân sách trong nước</b>	<b>2.865.488.300</b>	<b>2.865.488.300</b>
1	Chi quản lý hành chính	2.865.488.300	2.865.488.300
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	2.865.488.300	2.865.488.300
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
a	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
b	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi đảm bảo xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>		
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>		

*Handwritten signature*